

**KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(DÀNH CHO SINH VIÊN)**

Kỳ thi ngày 25 tháng 8 năm 2018

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Ghi chú
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
1	Đinh Văn Tuấn Anh	TA01	01	16/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0059	18	56	4	78	A2	
2	Vũ Tú Anh	TA02	01	15/7/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0055	-	-	-	-	Không đạt	bảo lưu
3	Giàng Mí Cho	TA03	01	12/01/1996	Hà Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0060	-	-	-	-	Không đạt	bảo lưu
4	Nguyễn Hữu Chung	TA04	01	15/10/1998	Sơn La	Nam	D-THUY6A	16DTY0397	23	40	11	74	A2	
5	Lê Ngọc Đức	TA05	01	05/3/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0066	23	54	6	83	A2	
6	Dương Quang Hải	TA06	01	01/5/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0283	14	45	11	70	A2	
7	Trần Văn Hiến	TA07	01	08/11/1992	Thanh Hóa	Nam	D-CHANNUOI4A	14DCN0070	19	45	10	74	A2	
8	Trịnh Thị Huệ	TA08	01	07/12/1997	Thanh Hóa	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0285	16	55	14	85	A2	
9	Phạm Văn Khá	TA09	01	02/5/1989	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0077	23	53	8	84	A2	
10	Phạm Văn Minh	TA10	01	29/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0301	18	43	12	73	A2	
11	Phạm Công Quang	TA11	01	17/02/1998	Hải Dương	Nam	D-THUY6B	16DTY0494	20	42	11	73	A2	
12	Nguyễn Công Quân	TA12	01	06/01/1997	Thanh Hóa	Nam	D-THUY5B	15DTY0364	20	51	11	82	A2	
13	Phạm Ngọc Quân	TA13	01	11/11/1993	Hà Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0306	17	50	15	82	A2	
14	Dương Thời Quyết	TA14	01	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	-	-	-	-	Không đạt	bảo lưu
15	Nguyễn Kim San	TA15	01	04/11/1991	Bắc Ninh	Nam	D-THUY4A	14DTY0166	23	51	9	83	A2	
16	Dương Ngọc Sinh	TA16	02	05/4/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0432	21	49	13	83	A2	
17	Lưu Văn Sơn	TA17	02	24/01/1995	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	15DQLTN0330	18	48	11	77	A2	

TT	Họ và tên	SBD	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Ghi chú
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
18	Phan Thị Thoan	TA18	02	12/10/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0311	18	53	14	85	A2	
19	Vũ Thị Thu	TA19	02	22/8/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0312	20	50	13	83	A2	
20	Đình Văn Tiến	TA20	02	16/02/1991	Hà Nội	Nam	C-THUY16A	15CTY0051	22	40	8	70	A2	
21	Thân Quang Toán	TA21	02	13/4/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5B	15DTY0374	16	45	11	72	A2	
22	Phạm Thị Kiều Trinh	TA22	02	26/6/1999	Nam Định	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0338	11	47	14	72	A2	
23	Hoàng Đình Trọng	TA23	02	09/3/1995	Lạng Sơn	Nam	C-THUY17A	16CTY0093	18	43	9	70	A2	
24	Phạm Đức Trung	TA24	02	02/12/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6C	16DTY0444	19	43	11	73	A2	
25	Lê Văn Tuấn	TA25	02	21/01/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0095	17	42	11	70	A2	
26	Phạm Lâm Tùng	TA26	02	29/4/1995	Bắc Giang	Nam	D-CHANNUOI4A	14DCN0090	17	41	12	70	A2	
27	Lê Đình Việt	TA27	02	03/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0097	18	43	9	70	A2	
28	Hà Văn Vĩnh	TA28	02	25/12/1998	Thái Nguyên	Nam	C-THUY17A	16CTY0098	19	43	8	70	A2	
29	Dương Văn Vũ	TA29	02	24/3/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0324	19	40	11	70	A2	
30	Nguyễn Kim Vương	TA30	02	06/9/1996	Bắc Ninh	Nam	D-THUY4A	14DTY0173	17	45	8	70	A2	

Số thí sinh theo danh sách: 30

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 3

Số thí sinh dự thi: 27

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: 0

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh trình độ A2: 27

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

ThS. Phan Văn Cường

Bắc Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng thi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Đoàn Văn Soạn